

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày: 17/6/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng hụi, họ
và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hụi, họ và hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐDS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Xuân H - sinh năm 1965, có mặt.

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H1 – sinh năm 1970, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: cùng ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2019, bản tự khai và lời trình bày của bà Trần Thị Xuân H như sau:

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2015 âm lịch bà Nguyễn Thị Ch có vay của bà 10.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 5%/tháng, sau khi vay phía bà Ch chỉ trả lãi cho bà được 05 tháng thì ngưng cho đến nay không trả vốn và lãi cho bà. Khi vay bà Ch có ký biên nhận nợ 10.000.000 đồng tiền vay và 3.000.000 đồng tiền hụi, tổng cộng bằng 13.000.000 đồng.

Ngoài ra bà Ch còn tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi và nợ bà số tiền như sau:

Số tiền hụi chết dây hụi tháng 1.000.000 đồng, áp ngày 20/3/2013, dây hụi có 25 chân, bà Ch vô 01 chân đã hốt xong còn nợ lại hụi chết là 13.000.000 đồng.

Tiền hụi chết dây hụi tháng 1.000.000 đồng, áp ngày 25/10/2014, dây hụi có 50 chân, bà Ch vô 01 chân đã hốt xong và nợ lại 31 lần hụi chết bằng 31.000.000 đồng.

Tiền hụi chết dây hụi tháng 1.000.000 đồng, áp ngày 10/02/2015, dây hụi có 32 chân, bà Ch vô 01 chân đã hốt xong và nợ lại 16 lần hụi chết bằng 16.000.000 đồng.

Sau khi bà ngưng xô hụi bà và vợ chồng ông H1, bà Ch đã tổng kết nợ và làm biên nhận số tiền hụi là 60.000.000 đồng do ông H1 ký nhận. Sau đó ông H1 và bà Ch có trả cho bà được 15.000.000 đồng còn nợ lại bà 45.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vay và tiền hụi bà Ch và ông H1 hiện nợ bà là 55.000.000 đồng.

Nguyên vọng: Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông H1 và bà Ch phải trả cho bà 45.000.000 đồng tiền nợ hụi và 10.000.000 đồng tiền nợ vay nhưng ông H1 và bà Ch chỉ thừa nhận hiện chỉ còn nợ bà 43.000.000 đồng nên bà chỉ yêu cầu vợ chồng ông H1, bà Ch trả cho bà tổng cộng tiền hụi và tiền vay bằng 43.000.000 đồng và yêu cầu trả hết một lần.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 không đến Tòa trình bày ý kiến hay lời khai nên Tòa án không ghi nhận được bất kỳ ý kiến bằng văn bản nào của ông H1.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà và ông H1 chồng bà có nợ bà H tiền hụi và tiền vay tổng cộng bằng 60.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận do ông H1 ký tên và hẹn mỗi tháng trả cho bà H 2.000.000 đồng, sau đó vợ chồng bà có trả cho bà H được 17.000.000 đồng hiện chỉ còn nợ bà H 43.000.000 đồng. Đối với biên nhận nợ 13.000.000 đồng bà H kiện bà buộc vợ chồng bà phải trả thì bà không đồng ý vì bà không biết chữ nên không có ký biên nhận, hơn nữa tổng cộng các khoản nợ bà đã làm biên nhận cho bà H là 60.000.000 đồng rồi. Hiện do hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả hết số tiền trên cho bà H nên bà xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng vợ chồng bà trả cho bà H 2.000.000 đồng, thời gian trả tính từ ngày 17/8/2020 cho đến khi trả hết số nợ trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Xuân H chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Văn H1 phải trả cho bà 43.000.000 đồng tiền nợ hụi và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay bằng 10.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/8/2015 âm lịch, đồng thời yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền còn nợ 43.000.000 đồng, bà không đồng ý cho bà Ch và ông H1 trả dần vì hiện tại bà còn nợ hụi viên chưa có tiền trả cho họ.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai

chứng cứ, hòa giải và thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định, tuy nhiên thời hạn giải quyết vụ kiện còn vi phạm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho bà Trần Thị Xuân H 43.000.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Xuân H với bà Nguyễn Thị Ch và ông Trần Văn H1 là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Văn H1 là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà Ch, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa 02 lần, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà Ch, ông H1.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Xuân H và bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Văn H1 là tranh chấp hợp đồng hội, họ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Xuân H làm chủ hội và bà Nguyễn Thị Ch có tham gia chơi hội do bà H làm chủ nhiều chân hội. Quá trình chơi hội bà Ch đã hốt hết các chân hội bà tham gia chơi, theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19/21019/NĐ-CP ngày 29/02/2019 thì bà Ch phải góp hội theo thỏa thuận nhưng bà Ch không thực hiện nghĩa vụ góp hội chết cho bà H theo thỏa thuận, bà Ch thừa nhận chồng bà là ông H1 có ký biên nhận nợ bà H tổng số tiền bằng 60.000.000 đồng và đã trả được 17.000.000 đồng hiện còn nợ bà H tiền hội và tiền vay bằng 43.000.000 đồng. Số tiền này được bị đơn thừa nhận nên theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự không cần phải chứng minh vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Phía bị đơn bà Ch xin trả dần số tiền nợ 43.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn bà H không đồng ý vì bà H cho rằng hiện gia đình bà Ch, ông H1 có khả năng trả nợ cho bà, việc bà Ch chơi hội và hốt hội nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hội theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến dây hội, bản thân bà H phải bỏ tiền ra trang trải cho các hội viên khác sau đó không có tiền trang trải hội nên đã bị các hội viên khác khởi kiện bà, nay bà yêu cầu bà Ch và ông H1 phải trả hết số nợ trên cho bà để bà trả cho các hội viên khác vì vậy bà không đồng ý cho bà Ch và ông H1 trả dần nên yêu cầu của bà Ch không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ một

phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Văn H1 phải nộp 2.150.000 đồng (43.000.000 đồng x 5%).

Bà Trần Thị Xuân H được nhận lại 1.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005755, ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, vì yêu cầu của bà được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 466, 471 và Điều 688 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26, 35, 147, 217, 218, 219, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Áp dụng Nghị định 19/21019/NĐ-CP ngày 29/02/2019 của Chính phủ về hui, họ.

1. Tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân H.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Văn H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Xuân H 43.000.000 (bốn mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị Xuân H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Ch và ông Trần Văn H1 không trả đủ số tiền trên cho bà H thì hàng tháng bà Ch và ông H1 còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do Trần Thị Xuân H xin rút.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Buộc bà Nguyễn Thị Ch, ông Trần Văn H1 phải nộp 2.150.000 đồng.

Bà Trần Thị Xuân H được nhận lại 1.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005755, ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang